

Bản án số: 125/2019/HS-ST

Ngày 10-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị K Lài - Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 113/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trần Anh K, sinh năm 1996 tại: Đ; thường trú: Tổ 4, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970 và bà Trần Thị K L, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 16-02-2019, có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị bắt quả tang và bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tạm giữ từ ngày 17-02-2019 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T đến ngày 26-02-2019 thì bị khởi tố bị can và chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Minh T, sinh năm 1994 tại: B; thường trú: Tổ 8, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Lộc, sinh năm 1967 và bà Nguyễn K L, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 30-7-2013, bị Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã T), tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản

án số 95/HSST/2013, ngày 10-02-2014 bị can chấp hành xong hình phạt tù, ngày 10-10-2013 bị can chấp hành xong việc nộp án phí.

Ngày 04-8-2015, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 87/HSST/2015, ngày 02/4/2016 bị can chấp hành xong hình phạt tù, ngày 25-12-2015 bị can chấp hành xong việc nộp án phí.

Ngày 16-02-2019, có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị bắt quả tang và bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tạm giữ từ ngày 17-02-2019 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T đến ngày 26-02-2019 thì bị khởi tố bị can và chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị K L, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 7, khu phố M, phường T, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Thanh Tuấn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trần Anh K và Nguyễn Minh T có mối quan hệ là bạn với nhau, cả hai đều là đối tượng sử dụng ma túy.

Khoảng 20 giờ ngày 16-02-2019, K dùng tài khoản Facebook của mình tên “Nguyễn Anh K” nhắn tin cho tài khoản Facebook của T tên “Đập đá” rủ sử dụng ma túy đá, T đồng ý. Sau đó, K điều khiển xe mô tô biển số 61U1 – 8996 đến nhà T ở tổ 7, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B để gặp T. Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên K nhờ T đi cùng với K cầm điện thoại của K lấy tiền đi mua ma túy, T đồng ý. K chở T đi đến tiệm cầm đồ tên Tuấn Phát gần nhà T ở khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B cầm điện thoại di động Iphone 6 Plus của K được 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), sau đó, K chở T đi về nhà của T. Khi về đến nhà của T, lúc này K đưa cho T là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) rồi kêu T điều khiển mô tô biển số 61U1 – 8996 đi mua ma túy về để sử dụng chung còn K ở lại nhà của T. T điều khiển xe mô tô biển số 61U1 – 8996 đi đến khu vực gần ngã tư Miếu Ông Cù thuộc phường A, thị xã T thì gặp một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) đã bán ma túy cho T một lần trước đó và hỏi mua 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) ma túy đá thì người thanh niên này đồng ý và yêu cầu T đưa tiền. Sau khi đưa tiền xong người thanh niên đi đâu không rõ còn T đứng đợi ven đường được khoảng 10 phút thì người này quay lại đưa cho T một bọc nylon hàn kín bên trong có chứa ma túy đá. T cầm bọc ma túy vào lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe mô tô biển số 61U1 – 8996 quay về nhà và đưa bọc ma túy đá này cho K. Lúc này, K lấy một ít ma túy đá trong bọc ma túy vừa mua được bỏ vào bộ dụng cụ tự chế, phần ma túy còn lại K hàn kín lại rồi cất giấu vào bên trong túi quần phía trước bên trái K đang mặc trên người. Sau đó, K và T cùng sử dụng ma túy chung thì bị lực lượng tuần tra công an phường T kiểm tra hành chính và phát hiện K và T sử dụng ma túy. Tổ kiểm tra yêu cầu T, K có tàng trữ ma túy thì giao nộp thì K lấy trong túi quần trước bên trái đang mặc 01 bọc ny lon có chứa chất tinh thể màu trắng. K khai là ma túy đá do K đưa tiền cho T mua để cả hai cùng sử dụng

chung. Lúc này, tổ kiểm tra cũng phát hiện trên nền gạch phía sau lưng vị trí của T đứng có một bịch nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng, T khai nhận là chất bột ngọt (gia vị nêm thức ăn), T bỏ vào bịch nylon để đùa với bạn. Công an phường T tiến hành niêm phong 02 bịch nylon chứa tinh thể này, đồng thời đưa cả hai về trụ sở Công an phường và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và K và thu giữ:

- 02 bịch nylon hàn kín miệng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng;
- 01 xe mô tô biển số 61U1 – 8996 có số khung RLHHC12209Y 033609, số máy HC12E-0642458;
- 01 bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá.
- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Mi 5 màu đen của Nguyễn Minh T;

Công an phường T lập hồ sơ ban đầu và tiến hành bàn giao T và K cùng hồ sơ, vật chứng cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số 172/MT-PC54 ngày 25-02-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

- 01 bịch nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể trắng thu giữ do Nguyễn Trần Anh K giao nộp (M1) là ma túy, có khối lượng 0,1739 gam, loại Methamphetamine.
- 01 bịch nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể trắng thu giữ trên nền gạch nhà của Nguyễn Minh T (M2) là ma túy, có khối lượng 0,3634 gam, không tìm thấy loại ma túy thường gặp.

Xe mô tô xe mô tô biển số 61U1 - 8996 có số khung RLHHC12209Y 033609, số máy HC12E-0642458 do bà Trần Thị K L đứng tên đăng ký chủ ở hữu, K là con trai của bà L. Ngày 16-02-2019, bà L đi làm và để xe mô tô này ở nhà; việc K sử dụng xe này đến nhà T và giao xe cho T để làm phương tiện đi mua ma túy đá để K và T sử dụng chung bà L không biết. Ngày 15-7-2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên ra Quyết định xử lý vật chứng số 86 trả lại xe mô tô biển số 61U1 – 8996 cho bà L.

Cáo trạng số 116/CT-VKSTU ngày 24-7-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Trần Anh K và Nguyễn Minh T tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trần Anh K từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Minh T 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư đã được niêm phong, bên ngoài có ký hiệu 172/PC09-M1, có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Minh T, Nguyễn Trần Anh K, chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thanh T, cán bộ niêm phong Bùi Thanh Đ, chữ ký ông Nguyễn K – Trưởng Công an phường T, hình dấu mộc đỏ của Công an phường T, thị xã T, chữ ký cán bộ giám định Đoàn Nguyễn Thiện Q và hình dấu mộc đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong có chứa Methamphetamine kết luận định số 172/MT-PC09 ngày 23/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B; 01 bì thư đã được niêm phong, bên ngoài có ký hiệu 172/PC09-M2, có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Minh T, chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Thanh T, cán bộ niêm phong Bùi Thanh Đ, chữ ký ông Nguyễn K – Trưởng Công an phường T, hình dấu mộc đỏ của Công an phường T, thị xã T, chữ ký cán bộ giám định Đoàn Nguyễn Thiện Q và hình dấu mộc đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong có chứa tinh thể màu trắng theo kết luận định số 172/MT-PC09 ngày 23-02-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B và một bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 5 Plus màu đen.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa.

Nói lời sau cùng: Các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt phù hợp cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 16/02/2019, tại tổ 7, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B, Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Minh T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1739 gam với mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang. Do đó, hành vi của Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái

phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương nơi các bị cáo gây án. Các bị cáo đều nhận thức được Nhà nước nghiêm cấm việc tàng trữ trái phép chất ma túy dưới mọi hình thức nhưng vì động cơ tư lợi mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, đối với các bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Trần Anh K có nhân thân tốt.

[5] Về vai trò: Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn cùng nhau thực hiện tội phạm. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc vai trò, tính nguy hiểm của từng bị cáo cho phù hợp.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo K có thời gian phục vụ trong quân đội. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét căn cứ tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

[8] Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi mà mỗi bị cáo đã thực hiện.

[9] Đối với đối tượng nam thanh niên (không rõ tên, địa chỉ) có hành vi bán trái phép chất ma túy cho T ở gần ngã tư Miếu Ông Cù thuộc phường A, thị xã T vào ngày 16-02-2019. Do chưa xác định được nhân thân, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T chưa có căn cứ để xử lý, sẽ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau, là phù hợp.

[10]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[10.1] Đối với 01 (một) bì thư đã được niêm phong, bên ngoài có ký hiệu 172/PC09-M1, có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Minh T, Nguyễn Trần Anh K, chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thanh T, cán bộ niêm phong Bùi Thanh Đ, chữ ký ông Nguyễn K – Trưởng Công an phường T, hình dấu mộc đỏ của Công an phường T, thị xã T, chữ ký cán bộ giám định Đoàn Nguyễn Thiện Q và hình dấu mộc đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong có chứa Methamphetamine kết luận định số 172/MT-PC09 ngày 23/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B là vật chứng liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10.2] Đối với 01 bì thư đã được niêm phong, bên ngoài có ký hiệu 172/PC09-M2, có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Minh T, chữ ký của người

chứng kiến Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Thanh T, cán bộ niêm phong Bùi Thanh Đ, chữ ký ông Nguyễn K – Trưởng Công an phường T, hình dấu mộc đỏ của Công an phường T, thị xã T, chữ ký cán bộ giám định Đoàn Nguyễn Thiện Q và hình dấu mộc đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong có chứa tinh thể màu trắng theo kết luận định số 172/MT-PC09 ngày 23-02-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B không là vật chứng liên quan đến việc phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

[10.3] Đối với một bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy;

[10.4] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 5 Plus màu đen thu giữ của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[11] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Minh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trần Anh K 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16-02-2019.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Minh T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16-02-2019.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

2.1 Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư đã được niêm phong, bên ngoài có ký hiệu 172/PC09-M1, có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Minh T, Nguyễn Trần Anh K, chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thanh T, cán bộ niêm phong Bùi Thanh Đ, chữ ký ông Nguyễn K – Trưởng Công an phường T, hình dấu mộc đỏ của Công an phường T, thị xã T, chữ ký cán bộ giám định Đoàn Nguyễn Thiện Q và hình dấu mộc đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong có chứa Methamphetamine kết luận định số 172/MT-PC09 ngày 23-02-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B; 01 bì thư đã được niêm phong, bên ngoài có ký hiệu 172/PC09-M2, có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Minh T, chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Thanh T, cán bộ niêm phong Bùi Thanh Đ, chữ ký ông Nguyễn K – Trưởng Công an phường T, hình dấu mộc đỏ của Công an phường T, thị xã T, chữ ký cán bộ giám định Đoàn Nguyễn Thiện Q và hình dấu mộc đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh B; bên trong có chứa tinh thể màu trắng theo kết luận định số 172/MT-PC09 ngày 23-02-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B; một bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy.

2.2 Trả cho bị cáo Nguyễn Minh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 5 Plus màu đen.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Minh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp